



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

јас

tôi

ти

bạn

тој

anh ấy

таа

cô ấy

тоа
тој/таа

nó

ние

chúng tôi / chúng ta

вие

các bạn

тие

họ

што

cái gì

кој
личност

ai

каде

ở đâu

зошто

tại sao

како

làm sao

кој
општ

cái nào

кога

lúc nào

тогаш

sau đó

ако

nếu

навистина

thật sự

но

nhưng

бидејќи

bởi vì

не

không

ова

này

тоа
ова

đó

сите
општ

tất cả

или

и

овде

hoặc

và

đây

таму

лево

десно

đó

trái

phải

сега

попладне

претпладне

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng

навечер

наутро

вечер

ban đêm

buổi sáng

buổi tối

пладне

buổi trưa

пoлноќ

nửa đêm

час
време

giờ

минута

phút

секунда

giây

ден

ngày

недела
7

tuần

месец

tháng

година

năm

вчера

hôm qua

денес

hôm nay

утре

ngày mai

понеделник

вторник

среда

thứ hai

thứ ba

thứ tư

четврток

петок

сабота

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

недела
ден

жена

маж

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

љубов

дечко

девојка

tình yêu

bạn trai

bạn gái

пријател

bạn

бакнеж

hôn

секс

tình dục

дете

trẻ em

девојче

con gái

момче

con trai

мама

mẹ

тато

ba

majka

má

татко

cha

родители

cha mẹ

син

con trai

ќерка

con gái

помала сестра

em gái

помал брат

em trai

поголема сестра

chị gái

поголем брат

anh trai

сопруг

chồng

сопруга

vợ

секој

mỗi / mọi

секогаш

luôn luôn

всушност

thực ra

повторно

lần nữa

веќе

đã

помалку

ít hơn

повеќето

phần lớn

повеќе

nhiều hơn

никој

không có

многу
општ

rất

надвор

ở ngoài

внатре

ở trong

далеку

xa

блиску

gần

под

bên dưới

над

bên trên

покрај

bên cạnh

напред

phía trước

назад

phía sau

сите
личност

mọi người

заедно

cùng nhau

други

khác

пролет

mùa xuân

лето

mùa hè

есен

mùa thu

зима

mùa đông

јануари

tháng một

февруари

tháng hai

март

tháng ba

април

tháng tư

мај

tháng năm

јуни

tháng sáu

јули

tháng bảy

август

tháng tám

септември

tháng chín

октомври

tháng mười

ноември

tháng mười một

декември

tháng mười hai

север

bắc

исток

đông

југ

nam

запад

tây

часто

thường xuyên

веднаш

ngay lập tức

одеднаш

đột ngột

иако

mặc dù

Số

нула

0

еден

1

два

2

три

3

четири

4

пет

5

шест

6

седум

7

осум

8

девет

9

десет

10

единаесет

11

дванаесет

12

тринаесет

13

четиринаесет

14

петнаесет

15

шеснаесет

16

седумнаесет

17

осумнаесет

18

деветнаесет

19

дваесет

20

дваесет и еден

21

дваесет и два

22

дваесет и шест

26

триесет

30

триесет и еден

31

триесет и три

33

триесет и седум

37

четириесет

40

четириесет и еден

41

четириесет и четири

44

четириесет и осум

48

педесет

50

педесет и еден

51

педесет и пет

55

педесет и девет

59

шеесет

60

шеесет и еден

61

шеесет и два

62

шеесет и шест

66

седумдесет

70

седумдесет и еден

71

седумдесет и три

73

седумдесет и седум

77

осумдесет

80

осумдесет и еден

81

осумдесет и четири

84

осумдесет и осум

88

деведесет

90

деведесет и еден

91

деведесет и пет

95

деведесет и девет

99

сто

100

сто и еден

101

сто и пет

105

сто и десет

110

сто педесет и еден

151

двесте

200

двесте и два

202

двесте и шест

206

двесте и дваесет

220

двесте шеесет и два

262

триста

300

триста и три

303

триста и седум

307

триста и триесет

330

триста седумдесет и три

373

четиристотини

400

четиристотини и четири

404

четиристотини и осум

408

четиристотини и четириесет

440

четиристотини осумдесет и
четири

484

петстотини

500

петстотини и пет

505

петстотини и девет

509

петстотини и педесет

550

петстотини деведесет и
пет

595

шестотини

600

шестотини и еден

601

шестотини и шест

606

шестотини и шеснаесет

616

шестотини и шеесет

660

седумстотини

700

седумстотини и два

702

седумстотини и седум

707

седумстотини дваесет и
седум

727

седумстотини и
седумдесет

770

осумстотини

800

осумстотини и три

803

осумстотини и осум

808

осумстотини триесет и
осум

838

осумстотини и осумдесет

880

деветстотини

900

деветстотини и четири

904

деветстотини и девет

909

деветстотини четириесет и
девет

949

деветстотини и деведесет

990

илјада

1000

илјада и еден

1001

илјада и дванаесет

1012

илјада двесте триесет и
четири

1234

две илјади

2000

две илјади и два

2002

две илјади дваесет и три

2023

две илјади триста
четириесет и пет

2345

три илјади

3000

три илјади и три

3003

четири илјади

4000

четири илјади четириесет
и пет

4045

пет илјади

5000

пет илјади шестотини
седумдесет и осум

5678

шест илјади

6000

седум илјади

7000

седум илјади осумстотини
и деведесет

7890

осум илјади

8000

осум илјади деветстотини
и еден

8901

девет илјади

9000

девет илјади и деведесет

9090

десет илјади

10.000

десет илјади и еден

10.001

дваесет илјади и дваесет

20.020

триесет илјади и триста

30.300

четириесет и четири
илјади

44.000

сто илјади

100.000

петстотини илјади

500.000

милион

1.000.000

шест милиони

6.000.000

десет милиони

10.000.000

седумдесет милиони

70.000.000

сто милиони

100.000.000

осумстотини милиони

800.000.000

милијарда

1.000.000.000

девет милијарди

9.000.000.000

десет милијарди

10.000.000.000

дваесет милијарди

20.000.000.000

сто милијарди

100.000.000.000

триста милијарди

300.000.000.000

билион

1.000.000.000.000

Động từ

да знае

biết

да размислува

nghĩ

да дојде

đến

да стави

đặt

да земе

lấy

да најде

tìm

да слуша

nghe

да работи

làm việc

да зборува

nói chuyện

да даде

cho

да сака

thích

да помогне

giúp đỡ

да љуби

yêu

да се јави

gọi

да чека

chờ đợi

да стои

đứng

да седи

ngồi

да затвори

đóng

да отвори
врата

mở

да изгуби

thua

да победи

thắng

да умре

chết

да живее

sống

да вклучи

bật

да исклучи

tắt

да убие

giết

да повреди

làm bị thương

да допира

chạm

да гледа

xem

да пие

uống

да јаде

ăn

да оди

đi bộ

да сретне

gặp

да се клади

đặt cược

да бакнува

hôn

да следи

đi theo

да се венча

cưới

да одговори

trả lời

да праша

hỏi

да повлече

kéo

да турне

đẩy

да притисне

ấn

да удри

đánh

да фати

bắt

да се бори

chiến đấu

да фрла

ném

да трча

chạy

да чита

đọc

да пишува

viết

да поправи

sửa chữa

да изброи

đếm

да пресече

cắt

да продаде

bán

да купи

mua

да плати

trả

да учи

học

да сонува

mơ

да спие

ngủ

да игра

chơi

да прослави

ăn mừng

да ужива

thưởng thức

да чисти

dọn dẹp

да пука

bắn

да одбрани

bảo vệ

да нападне

tấn công

да краде

trộm

да гори

đốt

да спаси

cứu

да лета

bay

да плука

khạc nhổ

да клоца

đá

да каса

cắn

да дише

thở

да мириса

ngửi

да плаче

khóc

да пее

hát

да се насмевнува

cười mỉm

да се смее

cười

да расте

lớn lên

да се смалува

co lại

да се расправа

tranh luận

да сподели

chia sẻ

да храни

cho ăn

да се крие

trốn

да предупреди

cảnh báo

да плива

bơi

да скока

nhảy

да крене

nâng

да копа

đào

да достави

giao hàng

да бара

tìm kiếm

да вежба

luyện tập

да патува

đi du lịch

да слика

vẽ

да отвори
брава

mở

да заклучи

khóa

да мие

rửa

да се моли

cầu nguyện

да готви

nấu ăn

да повраќа

nôn

да вика

la hét

да цитира

trích dẫn

да печати

in

да пресмета

tính toán

да заработи

kiếm tiền

Tính từ

ново

старо

малку

mới

cũ

ít

многу
број

погрешно

точно

nhều

sai

chính xác

лош

добар

среќен

xấu

tốt

hạnh phúc

кратко

долго

мало

ngắn

dài

nhỏ

големо

lớn

убав

xinh đẹp

млад

trẻ

стар

già

бела

màu trắng

црна

màu đen

црвена

màu đỏ

сина

màu xanh da trời

зелена

màu xanh lá cây

жолта

màu vàng

бавен

chậm

брзо

nhanh

смешно

vui vẻ

нефер

không công bằng

фер

công bằng

тешко
прашање

khó

лесно
прашање

dễ

богат

giàu

сиромашен

nghèo

силен

khỏe

слаб

yếu

безбеден

an toàn

уморен

mệt mỏi

горд

tự hào

најаден

no bụng

болен

bệnh

здрав

khỏe mạnh

лут

tức giận

НИСКО
дијаграм

thấp

ВИСОКО
дијаграм

cao

слатко
храна

ngọt

кисело

chua

меко

mềm

тврдо

cứng

слатко
личност

đáng yêu

глупав

ngu ngốc

луд

điên khùng

зафатен

bận rộn

ВИСОКО
тело

cao

НИСКО
тело

thấp

загрижено

lo lắng

изненадено

ngạc nhiên

воспитано

cư xử tốt

зол

ác độc

паметен

khéo léo

ладно

lạnh

жешко

nóng

портокалова

màu cam

сива

màu xám

кафеава

màu nâu

розова

màu hồng

здодевен

nhàm chán

тешко
вага

nặng

лесно
вага

nhẹ

осамен

cô đơn

гладен

đói bụng

жеден

khát nước

тажен

buồn

стрмно

dốc

рамно

bằng phẳng

тесно

hẹp

широко

rộng

длабоко

sâu

плитко

nông

огромно

lớn

валкано

bẩn

чисто

sạch sẽ

полно

đầy

празно

trống rỗng

скапо

đắt

евтино

rẻ

секси

quyến rũ

мрзлив

lười biếng

храбар

dũng cảm

дарежлив

hào phóng

влажно

ướt

суво

khô

гласно

ồn ào

тивно

yên tĩnh

сончево

nắng

дождливо

nhiều mưa

магливо

sương mù

облачно

nhiều mây

Thể thao

гимнастика

thể dục dụng cụ

тенис

quần vợt

трчање

chạy

велосипедизам

đạp xe

голф

đánh golf

фудбал

bóng đá

кошарка

bóng rổ

пливање

bơi lội

нуркање

lặn

планинарење

đi bộ đường dài

маратон

chạy marathon

триатлон

ba môn phối hợp

пинг понг

кревање тегови

бокс

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

бадминтон

уметничко лизгање

сноубординг

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

скијање

крос-кантри скијање

хокеј на мраз

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

одбојка

ракомет

одбојка на плажа

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

рагби

bóng rugby

крикет

bóng gậy

бејзбол

bóng chày

американски фудбал

bóng bầu dục Mỹ

ватерполо

bóng nước

скокови во вода

nhảy cầu

сурфање

lướt sóng

едрење

đua thuyền buồm

веслање

chèo thuyền

joga

yoga

танцување

khiêu vũ

падобранство

nhảy dù

шах

cờ vua

покер

đánh bài poker

куглане

bowling

балет

múa ba lê

Động vật

свиња

con lợn

крава

con bò

коњ

con ngựa

куче

con chó

овца

con cừu

мајмун

con khỉ

мачка

con mèo

мечка

con gấu

кокошка

con gà

патка

con vịt

пеперутка

con bướm

пчела

con ong

риба
ЖИВОТНО

con cá

пајак

con nhện

змија

con rắn

тигар

con hổ

глушец

con chuột

зајак

con thỏ

лав

con sư tử

магаре

con lừa

слон

con voi

гулаб

con chim bồ câu

бубачка

con bọ

комарец

con muỗi

мува

con ruồi

мравка

con kiến

кит

con cá voi

ајкула

con cá mập

делфин

con cá heo

полжав

con ốc sên

жаба

con ếch

панда

con gấu trúc

поларна мечка

con gấu Bắc cực

волк

con chó sói

коала

con gấu túi

кенгур

con chuột túi

жирафа

con hươu cao cổ

лисица

con cáo

нилски коњ

con hà mã

лилјак

con dơi

гавран

con quạ

лебед

con thiên nga

галеб

con chim hải âu

був

con cú

пингвин

con chim cánh cụt

папагал

con vẹt

гасеница

con sâu bướm

вилинско коњче

con chuồn chuồn

лигња

con mực ống

октопод

con bạch tuộc

морско коњче

con cá ngựa

фока

con hải cẩu

медуза

con sứa

краба

con cua

диносаурус

con khủng long

желка
општ

con rùa cạn

крокодил

con cá sấu

Quốc gia

Европа

Châu Âu

Азија

Châu Á

Америка

Châu Mỹ

Африка

Châu Phi

Обединето Кралство

Vương quốc Anh

Шпанија

Tây Ban Nha

Швајцарија

Thụy sĩ

Италија

Ý

Франција

Pháp

Германија

Đức

Тајланд

Thái Lan

Сингапур

Singapore

Русија

Јапонија

Израел

Нга

Nhật Bản

Israel

Индија

Кина

Соединети Американски
Држави

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Мексико

Канада

Чиле

Mexico

Canada

Chile

Бразил

Аргентина

Јужна Африка

Brazil

Argentina

Nam Phi

Нигерија

Nigeria

Мароко

Ma Rốc

Либија

Libya

Кенија

Kenya

Алжир

Algeria

Египет

Ai Cập

Нов Зеланд

New Zealand

Австралија

Úc

Cơ thể

глава

đầu

нос

mũi

коса

tóc

уста

miệng

уво

tai

око

mắt

рака
прст

bàn tay

стопало

bàn chân

срце

tim

мозок

não

врат

cổ

задник

mông

рамо

vai

колено

đầu gối

нога

chân

рака
лакт, рамо

tay

стомак

bụng

града

ngực

греб

lưng

заб

răng

јазик

lưỡi

усна

môi

прст

ngón tay

прст на нога

ngón chân

желудник

dạ dày

бели дробови

phổi

црн дроб

gan

нерв

dây thần kinh

бубрег

thận

црева

ruột

чело

trán

брада
лице

cằm

образ

má

брада
коса

râu

палец

ngón cái

мал прст

ngón tay út

домал прст

ngón tay đeo nhẫn

среден прст

ngón tay giữa

показалец

ngón tay trỏ

нокт на рака

móng tay

петица

gót chân

рбет

xương sống

мускул

cơ bắp

коска
тело

xương

скелет

bộ xương

ребро

xương sườn

пршлен

đốt sống

мочен меур

bàng quang

вена

артерија

вагина

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

сперма

пенис

тестис

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

Ngôi nhà

врата

cửa

кујна

nhà bếp

купатило

phòng tắm

дневна соба

phòng khách

спална соба

phòng ngủ

градина

vườn

гаража

gara

сид

tường

подрум

tầng hầm

тоалет
куќа

nhà vệ sinh

скали

cầu thang

покрив

mái nhà

прозорец

cửa sổ

нож

dao

филџан

tách

стаклена чаша

ly

чинија

đĩa

шолја

cốc

корпа за отпадоци

thùng rác

длабока чинија

tô

биpо

bàn

кревет

giường

огледало

gương

туш

vòi hoa sen

sofa

ghế sofa

слика

ảnh

часовник
сид

đồng hồ

маса

bàn

стол

ghế

сосед

hàng xóm

лифт

thang máy

балкон

ban công

поткровје

gác xép

оџак

ống khói

дрвена лажица

muỗng gỗ

стапче за јадење

đũa

прибор за јадење

лажица

вилушка

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

рачка

тенџере

тава

cái vá

nồi

chảo

сијалица

полица за книги

завеса

bóng đèn

giá sách

rèm

душек

перница

kébe

nệm

gối

chăn

полица

kệ

фиока

ngăn kéo

гардероба

tủ quần áo

кофа

xô

метла

chổi

вага

cái cân

корпа за алишта за перење

giỏ đựng đồ giặt

када

bồn tắm

пешкир
големо

khăn tắm

сапун

xà phòng

тоалетна хартија

giấy vệ sinh

пешкир
мало

khăn tắm

мијалник

bồn rửa mặt

скала

cái thang

поштенско сандаче

hộp thư

ограда

hàng rào

Thức ăn

јajце

trứng

кашкавал

phô mai

млеко

sữa

риба
храна

cá

месо

thịt

коска
храна

xương

масло

dầu

леб

bánh mì

шеќер

đường

чоколадо

sô cô la

бонбони

kẹo

торта

bánh bông lan

вода

кафе

čaj

nước

cà phê

trà

пиво

вино

салата

bia

rượu nho

sa lát

супа

десерт

доручек

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

ручек

вечера

пица

bữa trưa

bữa tối

pizza

сладолед

путер

jogurt

kem

bơ

sữa chua

туна

лосос

шунка

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

сланина

кобасица

мисиркино

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

пилешко

говедско

свинско

thịt gà

thịt bò

thịt heo

јагнешко

thịt cừu

тиква

bí ngô

печурка

nấm

тартуфи

nấm cục

лук

tỏi

праз

tỏi tây

ѓумбир

gừng

модар патлиџан

cà tím

сладок компир

khoai lang

морков

cà rốt

краставица

dưa chuột

чили

ớt

пиперка

ớt chuông

кромид

củ hành

компир

khoai tây

карфиол

bông cải trắng

зелка

bắp cải

брокула

bông cải xanh

марула

xà lách

спанаќ

rau chân vịt

бамбус
храна

tre

пченка

ngô

целер

cần tây

грашок

đậu Hà Lan

грав

hạt đậu

круша

quả lê

jabolko

quả táo

маслинка

quả ô liu

смоква

quả sung

урма

quả chà là

кокос

quả dừa

бадем

quả hạnh nhân

лешник

hạt phỉ

кикирики

đậu phộng

банана

quả chuối

манго

quả xoài

киви

quả kiwi

авокадо

quả bơ

ананас

quả dứa

лубеница

dưa hấu

грозд

quả nho

диња

dưa gang

малина

quả mâm xôi

боровинка

quả việt quất

јагода

quả dâu tây

цреша

quả anh đào

слива

quả mận

кајсија

quả mơ

праска

quả đào

лимон

quả chanh

грейпфрут

quả bưởi

портокал

quả cam

домат

cà chua

нане

bạc hà

лимонова трева

sả

цимет

quế

ванила

vani

сол

muối

бибер

tiêu

кари

cà ri

тутун

thuốc lá

тофу

đậu hũ

оцет

giấm

тестенина

mì sợi

млеко од соја

sữa đậu nành

брашно

bột mì

ориз

gạo

овес

yến mạch

пченица

lúa mì

соја

đậu nành

орев

hạt

мед

mật ong

џем

гума за џвакање

палачинка

mút

kẹo cao su

bánh kẹp

колаче

пудинг

мафин

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

крофна

енергетски пијалок

сок од портокал

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

сок од јаболко

милкшејк

кока кола

nước táo

sữa lắc

coca cola

топло чоколадо

sô cô la nóng

коктейл

rượu cocktail

рум

rượu rum

ВИСКИ

rượu whisky

ВОТКА

rượu vodka

мени

thực đơn

морска храна

hải sản

шпагети

mì Ý

суши

sushi

пуканки

bắp rang bơ

чипс

khoai tây lát mỏng

пилешки крилца

cánh gà

помфрит

khoai tây chiên

сeнф

mù tạt

мaйонeз

sốt mayonnaise

кeчaп

nước sốt cà chua

ceндвич

bánh mì kẹp

xoт дoг

bánh mì kẹp xúc xích

бyргep

bánh burger

Trường học

книга

sách

библиотека

thư viện

домашна работа

bài tập về nhà

ИСПИТ

bài thi

час
училиште

bài học

наука

khoa học

историја

lịch sử

ликовно

nghệ thuật

пенкало

cây bút

МОЛИВ

bút chì

прв

thứ nhất

втор

thứ hai

трет

thứ ba

четврти

thứ tư

истражување

nghiên cứu

диплома
универзитет

bằng cấp

спортско игралиште

sân thể thao

речник

từ điển

полугодие

học kì

тетратка

sổ tay

геометрија

hình học

политика

chính trị học

филозофија

triết học

економија

kinh tế học

физичко воспитување

giáo dục thể chất

биологија

sinh học

математика

toán học

географија

địa lý

литература

văn học

хемија

hóa học

физика

vật lý

линијар

cái thước

гума за бришење

cục tẩy

ножици

cái kéo

селотејп

băng dính

лепак

keo dán

хемиско пенкало

bút bi

спајалица

kẹp giấy

три проценти

3%

сто проценти

100%

нула проценти

0%

кубен метар

mét khối

квadratен метар

mét vuông

милја

dặm

метар

mét

милиметар

mi-li-mét

сантиметар

xen-ti-mét

дециметар

đề-xi-mét

собирање

phép cộng

одземање

phép trừ

множење

phép nhân

делење

phép chia

површина

diện tích

волумен

thể tích

правоаголник

hình chữ nhật

квадрат

hình vuông

триаголник

tam giác

круг

hình tròn

литар

lít

милилитар

mililit

тон

килограм

грам

tấn

kilôgam

gram

магнет

микроскоп

инка

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

лабораторија

предавање

phòng thí nghiệm

bài giảng

Thiên nhiên

пепел

tro

оган

lửa

дијамант

kim cương

Месечина

mặt trăng

сонце

mặt trời

свезда

ngôi sao

планета

hành tinh

обала

bờ biển

езеро

hồ

шума

rừng

пустина

sa mạc

рид

đồi núi

камен

đá

река

con sông

долина

thung lũng

планина

núi

остров

đảo

океан

đại dương

море

biển

мраз

băng

снег

tuyết

бура

bão táp

дожд

mưa

ветер

gió

дрво

cây

трева

cỏ

роза

hoa hồng

цвеќе

hoa

метал

kim loại

почва

đất

лава

dung nham

јаглен

than

песок

cát

глина

đất sét

ракета

tên lửa

сателит

vệ tinh

галаксија

thiên hà

астероид

tiểu hành tinh

континент

lục địa

екватор

đường Xích đạo

Јужен Пол

Nam cực

Северен Пол

Bắc cực

поток

suối

дождовна шума

rừng nhiệt đới

пештера

hang

водопад

thác nước

крајбрежје

bờ biển

глечер

sông băng

земјотрес

động đất

кратер

miệng núi lửa

вулкан

núi lửa

атмосфера

khí quyển

поплава

lũ lụt

магла

sương mù

ВИНОЖИТО

cầu vồng

гром

tiếng sấm

молња

tia chớp

грмотевица

cơn dông

температура

hiệt độ

тајфун

bão nhiệt đới

ураган

облак

гранка

bão

mây

cành cây

лист

корен

стебло
дрво

lá cây

rễ cây

thân cây

семе

пластика

јаглерод диоксид

hạt giống

nhựa

cacbon điôxít

атом

железо

кислород

nguyên tử

sắt

ôxy

злато

vàng

сребро

bạc

Giao thông

автомобил

xe hơi

автобус

xe buýt

воз

xe lửa

железничка станица

ga xe lửa

автобуска постојка

trạm dừng xe buýt

авион

máy bay

брод

tàu

камион

xe tải

велосипед

xe đạp

мотоцикл

xe mô tô

такси

xe taxi

семафор

đèn giao thông

паркинг

bãi đậu xe

пат

đường

батерија

ắc quy

мотор

động cơ

воздушно перниче

túi khí

волан

vô-lăng

појас

dây an toàn

гума

lốp xe

заден багажник

cốp sau

автомат за билети

máy bán vé

билетара

phòng bán vé

метро

tàu điện ngầm

брз воз

tàu cao tốc

локомотива

đầu máy

трамвај

xe điện

училишен автобус

xe buýt trường học

минибус

xe buýt nhỏ

аеродром

sân bay

авионска линија

hãng hàng không

хеликоптер

máy bay trực thăng

прва класа

hạng nhất

економска класа

hạng phổ thông

бизнис класа

hạng thương gia

елек за спасување

áo phao

контејнер

công ten nơ

подморница

tàu ngầm

крузер

tàu du lịch

товарен брод

tàu chở hàng

јахта

du thuyền

траект

phà

пристаниште

hải cảng

брод за спасување

xuồng cứu sinh

радар

ra đa

улично осветлување

đèn đường

тротоар

vỉa hè

бензинска станица

trạm xăng

градилиште

công trường

пешачки премин

vạch qua đường

сообраќаен метеж

tắc đường

автопат

đường cao tốc

тенк

xe tăng

багер

máy xúc

трактор

máy kéo

приколка

rơ-moóc

скутер

xe tay ga

жичарница

xe cáp treo

Thành phố

болница

училиште

куќа

bệnh viện

trường học

nhà ở

сметка

пазар

супермаркет

hóa đơn

chợ

siêu thị

стан

универзитет

фарма

căn hộ

trường đại học

nông trại

црква

ресторан

бар

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

теретана

phòng thể dục

парк

công viên

тоалет
парк

nhà vệ sinh

мапа

bản đồ

брза помош

xe cứu thương

полиција

cảnh sát

пожарникари

lính cứu hỏa

земја

quốc gia

предградие

ngoại ô

село

ngôi làng

гаранција

bảo hành

трговски центар

trung tâm mua sắm

аптека

tiệm thuốc

облакодер

tòa nhà chọc trời

замок

lâu đài

амбасада

đại sứ quán

синагога

giáo đường Do Thái

храм

ngôi đền

фабрика

nhà máy

џамија

nhà thờ Hồi giáo

градско собрание

tòa thị chính

пошта

bưu điện

фонтана

đài phun nước

ноќен клуб

câu lạc bộ đêm

клуба

терен за голф

фудбалски стадион

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

базен
зграда

тениско игралиште

туристички информации

hồ bơi

sân quần vợt

thông tin du lịch

казино

уметничка галерија

музеј

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

национален парк

сувенир

аквариум

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

тобоган

trượt nước

ролеркостер

tàu lượn siêu tốc

аква парк

công viên nước

зоолошка

vườn bách thú

игралиште

sân chơi

итен излез
зграда

cửa thoát hiểm

аларм за пожар

chuông báo cháy

противопожарен апарат

bình cứu hỏa

полициска станица

đồn cảnh sát

држава

tiểu bang

регион

khu vực

главен град

thủ đô

Bệnh viện

несреќа

tai nạn

пациент

bệnh nhân

операција

phẫu thuật

пилула

viên thuốc

треска

sốt

кашлица

ho

итна соба

phòng cấp cứu

одделение за интензивна
нега

khoa hồi sức tích cực

чекална

phòng chờ

аспирин

thuốc aspirin

апчиња за спиење

thuốc ngủ

рок на траење

ngày hết hạn

доза

liều lượng

сируп против кашлица

si-rô ho

несакан ефект

tác dụng phụ

инсулин

insulin

прашок

bột

капсула

viên nhộng

витамин

vitamin

лек против болки

thuốc giảm đau

антибиотик

kháng sinh

бактерија

vi khuẩn

вирус

vi rút

срцев удар

đau tim

дијареа

tiêu chảy

дијабетес

tiểu đường

мозочен удар

đột quỵ

астма

hen suyễn

рак

ung thư

грип

cúm

забоболка

đau răng

изгореници од сонце

cháy nắng

болно грло

viêm họng

стомачни болки

đau bụng

инфекција

nhiễm trùng

алергија

dị ứng

грч

chuột rút

главоболка

đau đầu

шприц

ống tiêm

патерица

nặng

рентген

chụp X quang

машина за ултразвук

máy siêu âm

гипс
мало

bó bột

инвалидска количка

xe lăn

гипс
големо

bó bột

пулс

mạch

повреда

chấn thương

итна служба

cấp cứu

потрес на мозокот

chấn động

изгореница

vết bỏng

фрактура

gãy xương

пилула за контрацепција

thuốc tránh thai

тест за бременост

thử thai

Nghề nghiệp

доктор

медицинска сестра

полицеаец

bác sĩ

y tá

cảnh sát

претседател

капетан

детектив

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

пилот

професор

наставник

phi công

giáo sư

giáo viên

адвокат

секретарка

асистент

luật sư

thư ký

trợ lý

судија
суд

thẩm phán

менаџер

quản lý

готвач

đầu bếp

ТАКСИСТ

tài xế taxi

возач на автобус

tài xế xe buýt

модел

người mẫu

уметник

nghệ sĩ

премиер

thủ tướng

фармацевт

dược sĩ

пожарникар

lính cứu hỏa

заболекар

nha sĩ

претприемач

doanh nhân

политичар

chính trị gia

програмер

lập trình viên

стјуардеса

tiếp viên hàng không

научник

nhà khoa học

воспитувачка во градинка

giáo viên mầm non

архитект

kiến trúc sư

сметководител

kế toán viên

консултант

tư vấn viên

обвинител

công tố viên

генерален менаџер

tổng quản lý

телохранител

vệ sĩ

земјопоседник

chủ nhà

келнер

bồi bàn

обезбедување

nhân viên bảo vệ

војник

bộ đội

рибар

ngư dân

чистач

nhân viên vệ sinh

водоводџија

thợ sửa ống nước

електричар

thợ điện

фармер

nông dân

рецепционер

lễ tân

поштар

người đưa thư

касиер

thu ngân

фризер

thợ làm tóc

автор

tác giả

новинар

nhà báo

фотограф

nhiếp ảnh gia

спасувач

nhân viên cứu hộ

пејач

ca sĩ

музичар

nhạc sĩ

актер

diễn viên

репортер

phóng viên

тренер

huấn luyện viên

судија
спорт

trọng tài

Kinh doanh

пари

канцеларија

стрес

tiền

văn phòng

áp lực

осигурување

персонал

отдел

bảo hiểm

nhân viên

bộ phận

плата

адреса

писмо

lương

địa chỉ

lá thư

телефонски број

URL

e-маил адреса

số điện thoại

url

địa chỉ email

веб страница

e-маил

потпис

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

загуба

профит

клиент

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

износ

кредитна картичка

лозинка

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

банкомат

данок

соба за состаноци

máy rút tiền

thuế

phòng họp

бизнис картичка

đanh thiếp

ИТ

công nghệ thông tin

човечки ресурси

nhân sự

правен оддел

bộ phận pháp lý

сметководство

kế toán

маркетинг

tiếp thị

продажба

bán hàng

колега

đồng nghiệp

работодавач

người sử dụng lao động

вработен

nhân viên

забелешка

chú thích

презентација

thuyết trình

папка
канцеларија

гумен печат

проектор

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

пакет

марка

плик

bưu kiện

con tem

phong bì

прелистувач

инвестиција

берза

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

книжни пари

монета

камата

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

заем

khoản vay

број на сметка

số tài khoản

банкарска сметка

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

телефон

điện thoại

ТВ сет

bộ tivi

камера

máy ảnh

радио

đài radio

вентилатор

quạt

клима уред

máy điều hòa

машина за кафе

máy pha cà phê

тостер

máy nướng bánh mì

правосмукалка

máy hút bụi

фен

máy sấy tóc

чајник

ấm đun nước

машина за перење садови

máy rửa chén

шпорет

bếp điện

перна

lò nướng

микробранова печка

lò vi sóng

фрижидер

tủ lạnh

машина за перење

máy giặt

далечински управувач

điều khiển từ xa

слушалка

tai nghe

гљувче

chuột

тастатура

bàn phím

хард диск

ổ cứng

УСБ стик

thanh USB

скенер

máy quét

принтер

máy in

экран
лаптоп

màn hình

лаптоп

máy tính xách tay

робот

rô bốt

звучник

loa

